

# Chính sách việc làm cho lao động nông thôn ở Bắc Trung Bộ trong bối cảnh di dân

NGUYỄN HOÀI NAM

**B**ài viết đánh giá tác động của chính sách việc làm cho lao động nông thôn vùng Bắc Trung Bộ; chỉ ra những thành công, hạn chế, nguyên nhân và đề xuất giải pháp hoàn thiện chính sách việc làm cho lao động nông thôn trong bối cảnh di dân ở Bắc Trung Bộ.

**Từ khóa:** chính sách việc làm, lao động nông thôn, tác động của chính sách việc làm, cơ cấu thu nhập.

## 1. Tổng quan về chính sách việc làm cho lao động nông thôn trong bối cảnh di dân

Khái niệm: chính sách việc làm cho lao động nông thôn trong bối cảnh di dân là tổng thể các chủ trương, quan điểm và giải pháp của Nhà nước được thể chế hóa bằng các văn bản pháp luật nhằm hỗ trợ lao động nông thôn có được việc làm phù hợp, giúp họ vượt qua những khó khăn, ổn định cuộc sống trước mắt và lâu dài, góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương và đất nước trong bối cảnh một bộ phận lao động nông thôn di cư tìm việc làm.

Mục tiêu: *Thứ nhất*, thay đổi trạng thái việc làm, tăng thời gian làm việc và chuyển dịch cơ cấu việc làm lao động nông thôn theo hướng tiến bộ, tạo ra không gian việc làm rộng hơn cho người tại khu vực nông thôn. Nghĩa là, tỷ trọng lao động nông thôn có việc làm trong khu vực công nghiệp, dịch vụ sẽ tăng lên, lao động nông nghiệp giảm xuống, việc làm sử dụng công nghệ hiện đại có năng suất cao ngày càng nhiều; việc làm trong nông thôn được ổn định và đầy đủ hơn. *Thứ hai*, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống vật chất tinh thần cho lao động nông thôn. Việc làm có thu nhập cao không chỉ giúp các hộ gia đình nông thôn thoát nghèo, ổn định cuộc sống, mà còn phải nâng cao chất lượng cuộc sống. Mục tiêu này được cụ thể hóa thành thu nhập bình

quân đầu người, tri thức, sức khỏe.

Các chính sách cụ thể:

Chính sách hỗ trợ học nghề: là các quan điểm, mục tiêu, giải pháp và công cụ mà Nhà nước sử dụng để hỗ trợ cho đối tượng học được nghề, nhờ đó tìm được việc làm phù hợp và có năng suất cao và thu nhập ổn định cho lao động nông thôn.

Chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp: là những quan điểm và giải pháp của Nhà nước nhằm tạo điều kiện và môi trường thuận lợi cho hoạt động của các khu công nghiệp, doanh nghiệp cũng như các làng nghề trên địa bàn nông thôn, qua đó nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tạo chỗ làm việc phi nông nghiệp cho lao động nông thôn, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng giảm dần tỷ trọng đóng góp vào GDP của các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp; tăng tỷ trọng của các ngành công nghiệp, xây dựng và thương mại-dịch vụ.

Chính sách hỗ trợ đất đai sản xuất: là chính sách đảm bảo người dân nông thôn có đất tham gia sản xuất nhằm giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho lao động nông thôn trong bối cảnh di cư. Chính sách này được thực hiện bằng những giải pháp và công cụ của chính quyền về sử dụng đất, bồi thường,

Nguyễn Hoài Nam, TS., Trường đại học Vinh.

## Chính sách việc làm ...

hỗ trợ đất đai cho đối tượng lao động nông thôn hiện không có đất đai sản xuất phải di cư tìm kiếm việc làm, tạo các điều kiện về đất đai sản xuất cho lao động nông thôn có được việc làm và ổn định cuộc sống.

Chính sách hỗ trợ ứng dụng kỹ thuật sản xuất: là những quan điểm, giải pháp và công cụ nhằm hỗ trợ tạo điều kiện cho lao động nông thôn tiếp cận và ứng dụng những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến, góp phần phát triển nông nghiệp, nông thôn nói riêng và kinh tế xã hội đất nước nói chung.

Chính sách tín dụng ưu đãi tạo việc làm: là những quan điểm, giải pháp và công cụ mà Nhà nước sử dụng trong quá trình cho đối tượng được vay vốn với lãi suất ưu đãi, với số lượng và thời hạn nhất định, nhằm hỗ trợ tài chính cho người dân nông thôn ở từng thời điểm, đảm bảo cho họ có điều kiện tài chính để tạo việc làm, lao động sản xuất hoặc tiếp tục học tập.

### 2. Tác động của chính sách việc làm đối với lao động nông thôn trong bối cảnh di dân ở Bắc Trung Bộ

**BẢNG 1: Đánh giá tác động của các chính sách việc làm cho lao động nông thôn trong bối cảnh di dân ở một số tỉnh Bắc Trung Bộ**

Chính sách	Tổng	1	2	3	4	5	Trung bình
1. Chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp	367	8	69	127	96	67	3,40
2. Chính sách hỗ trợ về đất đai sản xuất	345	60	82	61	33	109	3,14
3. Chính sách hỗ trợ ứng dụng kỹ thuật sản xuất	361	63	91	85	59	63	2,91
4. Chính sách hỗ trợ học nghề	347	71	96	81	48	51	2,75
5. Chính sách tín dụng ưu đãi tạo việc làm	355	60	121	72	54	48	2,74

*Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra năm 2014.*

*Chú thích: điểm từ 1 đến 5, trong đó 5 là có tác động mạnh nhất.*

Như vậy, tác động của chính sách việc làm đến sự phát triển kinh tế xã hội khu vực nông thôn nhìn chung ở mức trung bình, trong đó, cao nhất là chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp (3,40/5 điểm trung bình) và thấp nhất là chính sách tín dụng ưu đãi tạo việc làm (2,74/5 điểm trung bình). Điều này chứng tỏ chính sách việc làm cho lao động nông thôn ở các tỉnh Bắc Trung Bộ chưa thật sự đi vào cuộc sống, có tác động chưa cao.

#### **2.1. Tác động đến sự thay đổi về trạng thái việc làm**

**Thứ nhất, thay đổi về thời gian làm việc:** trong 386 mẫu điều tra tại 3 tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh cho thấy, thời gian làm việc của lao động nông thôn

tăng lên qua hai năm 2012 - 2013, dù hộ có lao động di cư hay không có lao động di cư thì số ngày làm việc ít nhất và nhiều nhất của lao động nông thôn trong hai nhóm hộ này là ngang bằng và số ngày làm việc bình quân trong năm của hai nhóm nông hộ này đều dưới mức tối thiểu trong khu vực nông thôn (ít hơn 280 ngày). Số ngày làm việc của lao động nông thôn có xu hướng tăng lên trong năm 2013. Trong đó, số ngày làm việc của nhóm nông hộ có lao động di cư nhiều hơn so với số ngày làm việc của nhóm nông hộ không có lao động di cư; thời gian làm việc của hộ nông lâm ngư nghiệp thấp hơn thời gian của hộ công nghiệp, xây dựng và hộ dịch vụ (bảng 2). Điều này chứng tỏ chính sách



## Chính sách việc làm ...

việc làm đã có tác động làm cho thời gian làm việc của lao động nông thôn ở các tỉnh Bắc Trung Bộ tăng lên. Tuy nhiên, so với mức

trung bình cả nước thì vẫn thấp, chỉ đạt mức 171,5 đến 171,8 ngày/người/năm, thời gian nhàn rỗi còn nhiều.

**BẢNG 2: Số ngày làm việc của lao động nông thôn ở Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh năm 2012 - 2013**

Loại hộ	Năm	Số ngày ít nhất		Số ngày nhiều nhất		Số ngày trung bình	
		2012	2013	2012	2013	2012	2013
1. Toàn bộ		30,0	30,0	339,3	340,0	171,5	171,8
2. Theo tình trạng di cư							
- Có lao động di cư		30,0	30,0	340,0	340,5	172,7	172,9
- Không có lao động di cư		30,0	30,0	339,1	340,0	171,3	171,7
3. Theo ngành nghề của hộ							
- Hộ nông lâm ngư nghiệp		30,0	30,0	335,4	336,1	170,7	171,2
- Hộ công nghiệp xây dựng		30,0	30,0	341,2	342,5	183,6	184,5
- Hộ dịch vụ		30,0	30,0	345,7	347,0	186,1	186,8

Nguồn: Số liệu điều tra năm 2014.

*Thứ hai, thay đổi về ngành nghề làm việc:* việc làm trong khu vực nông thôn bao gồm cả việc làm thuần nông và ngành nghề hỗn hợp. Dưới tác động của di dân nói riêng và quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nói chung, việc làm của lao động nông thôn có sự biến đổi mạnh mẽ. Số lao động làm việc nông nghiệp thuần túy (tức là chỉ làm công việc trồng trọt và chăn nuôi) có xu hướng giảm xuống, số việc làm hỗn hợp ngày càng tăng

lên. Tại các tỉnh Bắc Trung Bộ, chính sách việc làm đã góp phần làm biến đổi việc làm theo hướng giảm tỷ lệ số hộ nông lâm ngư nghiệp và gia tăng số hộ công nghiệp, xây dựng, dịch vụ. Cụ thể, từ năm 2010 đến năm 2014, tỷ trọng hộ nông nghiệp khu vực nông thôn giảm từ 71,1% xuống 62,0%, còn tỷ trọng các hộ công nghiệp và xây dựng tăng từ 10,18% lên 14,73%; tỷ trọng hộ dịch vụ tăng từ 14,9% lên 18,4% (bảng 3).

**BẢNG 3: Chuyển dịch cơ cấu hộ khu vực nông thôn Bắc Trung Bộ giai đoạn 2010 - 2014**

Loại hộ	Cơ cấu (%)	
	Năm 2010	Năm 2014
1. Hộ nông, lâm nghiệp và thủy sản	71,1	62,0
- Hộ nông nghiệp	66,4	57,7
- Hộ lâm nghiệp	0,2	0,3
- Hộ thủy sản	4,4	4,0
2. Hộ công nghiệp và xây dựng	10,2	14,7
- Hộ công nghiệp (bao gồm diêm nghiệp)	7,3	9,7
- Hộ xây dựng	2,9	5,0
3. Hộ dịch vụ	14,9	18,4
- Hộ thương nghiệp	8,6	8,0
- Hộ vận tải	1,4	1,7
- Hộ dịch vụ khác	5,0	8,7
4. Hộ khác	3,8	4,8

Nguồn: Tổng cục Thống kê năm 2014.



**2.2. Tác động đến quy mô và cơ cấu thu nhập của nông hộ**

Thứ nhất, hộ dịch vụ, hộ ngành nghề và hộ hỗn hợp có thu nhập bình quân cao hơn hộ thuần nông và mức trung bình chung: số liệu điều tra từ 246 hộ dân 3 tỉnh Hà Tĩnh, Nghệ An và Thanh Hóa cho thấy kết quả rõ nét là chính sách việc làm không những làm cho thời gian lao động của người dân,

diện tích bình quân đầu người ở khu vực nông thôn tăng lên mà còn góp phần làm tăng thu nhập, chuyển đổi quy mô thu nhập của các hộ. Số liệu bảng 4 khẳng định vai trò của chính sách việc làm trong việc đa dạng hóa ngành nghề sản xuất ở nông thôn có ý nghĩa to lớn đến thu nhập của các hộ gia đình ở Bắc Trung Bộ.

**BẢNG 4: Thu nhập bình quân (nhân khẩu, lao động) theo ngành nghề**

Loại hộ	Nhân khẩu bình quân 1 hộ	Lao động bình quân 1 hộ	Thu nhập (triệu đồng/năm)					
			Thu nhập bình quân chung 1 hộ		Thu nhập bình quân 1 nhân khẩu		Thu nhập bình quân 1 lao động	
			2012	2013	2012	2013	2012	2013
Chung	4,04	3,16	38,01	38,78	9,12	9,56	11,83	12,27
Hộ thuần nông	3,82	3,00	32,76	32,90	8,40	8,61	10,74	10,97
Hộ ngành nghề	3,40	2,56	47,41	49,50	14,13	14,56	18,97	19,33
Hộ dịch vụ	3,90	2,72	53,38	57,45	14,37	14,73	20,85	21,12
Hộ hỗn hợp	3,74	2,96	48,23	50,08	13,02	13,39	16,43	16,92

Nguồn: Số liệu điều tra năm 2014.

Thứ hai, thu nhập của hộ cũng đa dạng hơn, trong đó, thu từ nội sinh chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu thu nhập của hộ. Thực tiễn từ 246 hộ gia đình lao động nông thôn tại các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh và Thanh Hóa trong bối cảnh di cư cho thấy cơ cấu thu nhập của nông hộ cũng đa dạng hơn. Trong tổng thu nhập, cơ cấu thu từ sản xuất kinh doanh chiếm tỷ trọng hơn 65%, thu

chuyển giao và thu khác chiếm tỷ trọng gần 35%. Trong cơ cấu thu sản xuất, thu từ sản xuất nông nghiệp chiếm hơn 46%, thu từ hoạt động ngành nghề và dịch vụ chiếm gần 15%, thu từ các hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm hơn 4,5%, thu chuyển giao từ tiền của thành viên trong gia đình ra thành phố làm việc gửi về chiếm hơn 23%; các khoản thu khác chiếm hơn 11% (bảng 5).

## Chính sách việc làm ...

**BẢNG 5: Cơ cấu thu nhập của các hộ theo ngành nghề năm 2013**

STT	Chỉ tiêu	Số hộ có thông tin	Thu nhập bình quân 1 hộ có thông tin	Phân theo ngành nghề			
				Hộ thuần nông	Hộ ngành nghề	Hộ dịch vụ	Hộ hỗn hợp
A	Tổng thu (triệu đồng)		38,78	32,90	49,50	57,45	50,08
1	Thu từ sản xuất	246	25,32	21,19	31,33	40,00	34,54
1.1	Thu từ nông nghiệp	246	17,90	17,69	14,16	6,09	16,55
	Trong đó: - Thu từ trồng trọt	246	10,77	11,03	6,43	4,05	9,22
	- Thu từ chăn nuôi	246	7,12	6,66	7,72	2,05	7,33
1.2	Thu từ hoạt động ngành nghề và dịch vụ	246	5,67	2,44	9,78	29,82	15,60
1.3	Thu hoạt động sản xuất kinh doanh khác	246	1,76	1,06	7,40	4,09	2,39
2	Thu chuyển giao và thu khác	246	13,46	11,71	18,17	17,45	15,54
	Thu từ tiền ra thành phố làm việc gửi về	246	9,06	8,49	12,62	10,55	10,27
	Thu bằng tiền khác	246	4,40	3,21	5,55	6,91	5,27
B	Cơ cấu nguồn thu		100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
1	Tổng thu từ sản xuất	246	65,29	64,41	63,29	69,63	68,97
1.1	Thu từ nông nghiệp	246	46,15	53,77	28,61	10,60	33,05
	Trong đó: - Thu từ trồng trọt	246	27,77	33,53	12,99	7,05	18,41
	- Thu từ chăn nuôi	246	18,38	20,24	15,60	3,57	14,64
1.2	Thu từ hoạt động ngành nghề và dịch vụ	246	14,62	7,42	19,76	51,91	31,15
1.3	Thu hoạt động sản xuất kinh doanh khác	246	4,53	3,22	14,95	7,12	4,77
2	Thu chuyển giao và thu khác	246	34,71	35,59	36,71	30,37	31,03
2.1.	Thu từ tiền ra thành phố làm việc gửi về	246	23,36	25,81	25,49	18,36	20,51
2.2	Thu bằng tiền khác	246	11,35	9,76	11,21	12,03	10,52

Nguồn: Số liệu điều tra năm 2014.

Như vậy, chính sách việc làm trong bối cảnh di dân hiện nay làm cho nguồn thu từ sản xuất kinh doanh ở các tỉnh Bắc Trung Bộ chiếm gần 2/3 trong tổng nguồn thu, đây vẫn là nguồn đảm bảo thu nhập vững chắc

cho các hộ gia đình.

Thứ ba, thu nhập bình quân/hộ và thu nhập bình quân/nhân khẩu của nhóm chủ hộ có độ tuổi dưới 45 tuổi thường cao hơn nhóm chủ hộ trên 45 tuổi.

## Chính sách việc làm ...

**BẢNG 6: Thu nhập bình quân/hộ/nhân khẩu theo nhóm tuổi chủ hộ năm 2013**

Địa phương	Nhóm tuổi chủ hộ	Tổng số hộ	Thu nhập bình quân/năm (triệu đồng)	
			Bình quân 1 hộ	Bình quân 1 khẩu
Chung	Chung	374	32,19	7,72
	Dưới 45	135	35,36	8,28
	Trên 45	239	26,93	6,93
Mức chênh lệch của 2 nhóm tuổi (lần)			1,31	1,19
Nghệ An	Chung	123	41,5	8,96
	Dưới 45	45	45,09	9,43
	Trên 45	78	30,17	7,64
Mức chênh lệch của 2 nhóm tuổi (lần)			1,49	1,23
Thanh Hóa	Chung	184	26,62	7,50
	Dưới 45	70	27,82	7,88
	Trên 45	114	25,81	7,30
Mức chênh lệch của 2 nhóm tuổi (lần)			1,07	1,08
Hà Tĩnh	Chung	67	28,46	6,71
	Dưới 45	20	33,19	7,54
	Trên 45	47	24,83	5,86
Mức chênh lệch của 2 nhóm tuổi (lần)			1,33	1,28

Nguồn: Số liệu điều tra năm 2014.

Qua điều tra khảo sát tại các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh cho thấy, thu nhập bình quân/hộ, thu nhập bình quân/nhân khẩu của nhóm chủ hộ có độ tuổi dưới 45 tuổi thường cao hơn thu nhập bình quân 1 nhân khẩu của nhóm chủ hộ có độ tuổi trên 45 tuổi (phổ biến ở nông thôn Bắc Trung Bộ).

Thứ tư, thu nhập ở các hộ gia đình có lao động di cư thường cao hơn so với các hộ gia đình không có lao động di cư. Bảng 7 cho thấy, thu nhập bình quân của hộ có lao động di cư là 41,11 triệu đồng/năm; còn thu nhập bình quân của hộ không có lao động di cư là 34,34 triệu đồng/năm. Điều

này được lý giải rằng: một phần do các gia đình có lao động di cư, bình quân mỗi năm nhận được tối thiểu 5 triệu đồng, trung bình là 13,81 triệu đồng, từ người thân đi làm xa nhà gửi về. Khoản tiền này chiếm khoảng 33,5% thu nhập bình quân hàng năm của nông hộ di cư. Trong khi đó, với các gia đình không có người lao động di cư, họ chỉ nhận được tiền dưới các hình thức hỗ trợ thăm hỏi của người thân ở xa về thăm quê. Kết quả trên dẫn đến thu nhập bình quân 1 khẩu và thu nhập bình quân 1 lao động trong năm của hộ có lao động di cư đều cao hơn so với hộ không có lao động di cư.

**BẢNG 7: Thu nhập bình quân theo tình trạng di cư của năm 2013**

Loại hộ	Nhân khẩu bình quân 1 hộ (người)	Lao động bình quân 1 hộ	Thu nhập bình quân (triệu đồng)		
			Chung 1 hộ	Bình quân 1 khẩu	Bình quân 1 lao động
Chung	4,04	3,16	38,78	9,56	12,27
Có lao động di cư	3,70	3,00	41,11	11,11	13,70
Không có lao động di cư	3,96	2,90	34,34	8,67	11,84

*Nguồn: Số liệu điều tra năm 2014.*

### **3. Thành tựu, hạn chế và nguyên nhân**

#### **3.1. Thành tựu**

Trong những năm vừa qua, trên địa bàn các tỉnh Bắc Trung Bộ các chính sách về việc làm đã được ban hành tương đối đầy đủ trong nhiều lĩnh vực khác nhau như: chính sách chung về việc làm (quyền và nghĩa vụ của người lao động về việc làm, trách nhiệm của Nhà nước về việc làm...); chính sách hỗ trợ để tạo và tự tạo việc làm cho người lao động (chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm, dự án cho vay giải quyết việc làm...); chính sách hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài (cho vay tín dụng, bồi dưỡng kiến thức, nghề nghiệp trước khi đi lao động ở nước ngoài...). Nhờ đó, chính sách việc làm cho lao động nông thôn tạo ngày càng nhiều việc làm cho khu vực nông thôn các tỉnh Bắc Trung Bộ; cơ hội có việc làm của người lao động nông thôn Bắc Trung Bộ tăng lên, giải tỏa sức ép về việc làm cho lao động trong bối cảnh lực lượng tham gia lao động ngày càng tăng. Xét về giới tính, tỷ lệ tham gia lực lượng lao động cả nam và nữ ở Bắc Trung Bộ đều có xu hướng tăng. Tổng số việc làm trong nông thôn tăng lên, việc làm trong ngành công nghiệp và dịch vụ tăng nhanh hơn ngành nông nghiệp. Điều này phù hợp với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Lao động nông thôn đang làm việc chia theo nghề nghiệp cũng có những thay đổi nhất định.

Việc làm tăng lên đã góp phần giảm nghèo và công bằng xã hội, cải thiện an sinh

xã hội trong nông thôn Bắc Trung Bộ; chính sách việc làm đã góp phần tăng thu nhập, giảm bất bình đẳng thu nhập, tỷ lệ nghèo chung của các tỉnh khảo sát đã giảm nhanh, từ 27,5% năm 2006 xuống 20,37% năm 2013 ở Thanh Hóa; từ 26,0% năm 2006 xuống 20,50% năm 2013 ở Nghệ An; từ 31,5% năm 2006 xuống 21,30% năm 2013 ở Hà Tĩnh.

#### **3.2. Hạn chế**

- *Đối tượng tiếp cận chính sách còn hạn hẹp, khả năng tìm việc làm của lao động nông thôn Bắc Trung Bộ chưa cao, chưa ổn định và bền vững.* Việc đào tạo nghề chủ yếu hướng tới những nghề các cơ sở đào tạo có khả năng (nghề mà cơ sở có) hoặc các nghề để làm việc tại các khu công nghiệp, khu chế xuất, không chú trọng đào tạo các nghề làm việc tại nông thôn (đánh bắt hải sản, đan lát, mộc, chế biến nông sản...). Vì vậy, lao động nông thôn phải dời đến thành thị, khu công nghiệp làm việc. Điều này làm cho khả năng tìm việc tại nông thôn khó khăn, tình trạng di dân nông thôn diễn ra mạnh mẽ, khiến nông thôn ngày càng thiếu đi lực lượng lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật, lao động trẻ và tỷ lệ người già và trẻ em càng tăng lên.

- *Phạm vi hỗ trợ chính sách còn bỏ sót đối tượng.* Chính sách tín dụng ưu đãi tạo việc làm chủ yếu hướng tới đối tượng hộ nông dân (nghèo, hoặc cận nghèo), chưa chú trọng hướng tới hỗ trợ cho các doanh nghiệp nông thôn. Vì vậy, chưa khuyến khích tạo ra nhiều nơi làm việc mới trong khu vực nông

## Chính sách việc làm ...

thôn, điều này gây khó khăn nhất định trong việc thực hiện chính sách việc làm. Bên cạnh đó, chính sách tín dụng đã ưu đãi tạo điều kiện cho đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo. Tuy nhiên mức độ hỗ trợ (số vốn vay) còn thấp, thời gian vay ngắn, điều kiện thế chấp của hộ nghèo khó khăn... Vì vậy, việc thực hiện chính sách ưu đãi tín dụng tạo việc làm chưa thực sự tạo ra việc làm cho lao động nông thôn ở các tỉnh Bắc Trung Bộ.

- Thu nhập thấp, tỷ lệ hộ nghèo của nông dân vẫn cao. Mặc dù thu nhập của người nông dân qua các năm đều tăng, nhưng mức tăng không cao và khả năng tích lũy thấp. Khi Chính phủ tiến hành điều chỉnh mức

chuẩn nghèo (năm 2010), tỷ lệ nghèo ở nông thôn đã tăng lên. Nói cách khác, nếu chính phủ không điều chỉnh mức chuẩn nghèo, thì tỷ lệ nghèo ở khu vực nông thôn nói chung, của hộ nông dân nói riêng ở năm 2010 đã giảm xuống còn dưới 13%, tuy nhiên với việc thay đổi mức chuẩn nghèo đã làm cho tỷ lệ nghèo tăng lên 17%.

- Nhiều vấn đề xã hội mới nảy sinh trong khu vực nông thôn dưới tác động của di cư tìm việc làm chưa có biện pháp giải quyết thỏa đáng. Tình trạng di cư lao động nông thôn, tuy có góp phần làm nâng cao thu nhập, cải thiện cuộc sống của người dân, nhưng có nhiều bất cập ảnh hưởng đến đời sống xã hội, cụ thể ở bảng 8.

**BẢNG 8: Đánh giá tác động của di dân đến đời sống xã hội nông thôn ở một số tỉnh Bắc Trung Bộ**

STT	Nhận xét	Tỷ lệ đồng ý (%)
1	Những tác động tích cực	
	Tăng thu nhập, tạo điều kiện cho con đi học, chăm sóc y tế và cải thiện đời sống gia đình	80,89
	Làm tăng thời gian làm việc của người lao động nông thôn	78,80
	Góp phần tăng cải thiện điều kiện sống trong nông thôn	75,99
2	Những bất cập	
	Nông thôn sẽ mất lao động trẻ, có học vấn và tay nghề	85,48
	Việc quan tâm tới giáo dục cho con cái sẽ giảm	83,61
	Làm tăng tỷ lệ dân số già và trẻ em trong nông thôn	72,10
	Việc quan tâm tới người già sẽ ít hơn, người già sẽ sống cô đơn hơn	71,35
	Chất lượng lao động kỹ thuật trong nông thôn sẽ giảm	70,31

Nguồn: Số liệu điều tra năm 2014.

### 3.3. Nguyên nhân

**BẢNG 9: Đánh giá các nhân tố ảnh hưởng việc thực thi chính sách việc làm cho lao động nông thôn ở các tỉnh Bắc Trung Bộ**

STT	Nhân tố ảnh hưởng	Hộ nông dân		Cán bộ	
		Tổng số	Trung bình	Tổng số	Trung bình
1	Mức độ thuận lợi của điều kiện tự nhiên	367	2,61	140	2,57
2	Công tác tổ chức quản lý	370	2,74	141	2,79
3	Nguồn lực	366	2,77	142	2,75
4	Môi trường luật pháp	363	2,53	142	2,65
5	Nhận thức xã hội	370	2,69	141	2,63

Nguồn: Số liệu điều tra năm 2014.

Chú thích: điểm từ 1 đến 5, trong đó 5 là cao nhất.



Bảng 9 cho thấy, với đánh giá của cán bộ và hộ nông dân thì 5 nhân tố tác động đến chính sách việc làm cho lao động nông thôn ở các tỉnh Bắc Trung Bộ đều có điểm số trung bình thấp (trong thang điểm 5). Cán bộ và hộ nông dân ở các tỉnh Bắc Trung Bộ đều cho rằng công tác quản lý và nguồn lực thực thi chính sách việc làm là tác động cao hơn (với điểm số của cán bộ là 2,79 và 2,75; điểm số của nông dân là 2,74 và 2,77) so với các yếu tố thuộc về điều kiện tự nhiên, môi trường pháp luật, nhận thức xã hội.

### 4. Một số gợi ý chính sách

#### 4.1. Tăng cường công tác tổ chức quản lý, phối hợp thực hiện chính sách việc làm cho lao động nông thôn trong bối cảnh di dân ở các tỉnh Bắc Trung Bộ

- *Tổ chức hoạt động dịch vụ việc làm cho lao động nông thôn*: trong bối cảnh di dân nông thôn ở Bắc Trung Bộ dẫn đến ngành nghề, việc làm nông thôn có thay đổi, do đối tượng di dân để lại khoảng trống việc làm tại nông thôn. Vì vậy, ở Bắc Trung Bộ cần phát triển hệ thống dịch vụ việc làm, các trung tâm giới thiệu việc làm, phối kết hợp nhịp nhàng giữa các trung tâm giới thiệu việc làm với các doanh nghiệp và người sử dụng lao động, để từng bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ, giảm dần tỷ trọng về nông nghiệp; Ủy ban nhân dân các cấp ở Bắc Trung Bộ cần dành kinh phí đầu tư, nâng cấp chợ nông thôn, hỗ trợ xây dựng các trung tâm thương mại cấp huyện, cấp xã, để thu hút nguồn hàng phục vụ nhu cầu nhân dân nông thôn.

- *Định hướng quy hoạch tổng thể phát triển ngành nghề, phát triển việc làm, phát triển vùng sản xuất nhằm chuyển dịch cơ cấu ngành nghề lao động nông thôn*. Chính quyền địa phương các tỉnh Bắc Trung Bộ cần có định hướng, quy hoạch tổng thể phát triển việc làm dài hạn, quy hoạch

phát triển vùng, ngành nghề sản xuất kinh doanh tạo sự chuyển dịch mạnh mẽ hơn nữa cơ cấu lao động nông thôn. Phát triển và mở rộng các khu, cụm công nghiệp và làng nghề để giải quyết việc làm cho nông dân, thúc đẩy chuyển dịch lao động nông thôn.

- *Phối hợp tốt hơn giữa trung ương và địa phương trong việc thực thi chính sách việc làm*. Trong thực hiện chính sách việc làm cho lao động nông thôn trong bối cảnh di dân ở các tỉnh Bắc Trung Bộ cần có sự phối hợp gắn kết, phối hợp nhịp nhàng giữa các cơ quan trung ương và chính quyền địa phương các tỉnh Bắc Trung Bộ chính sách phải xuất phát từ nhu cầu thực tế của địa phương (tránh tình trạng như trong chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, chủ yếu đào tạo cho đối tượng làm việc tại khu công nghiệp; hay chính sách tín dụng chủ yếu hướng đến đối tượng nghèo, cận nghèo mà chưa hướng đến đối tượng doanh nghiệp tạo việc làm tại nông thôn; chính sách hỗ trợ đất đai sản xuất vẫn còn hiện tượng nông dân bỏ ruộng...).

#### 4.2. Tăng cường nguồn lực thực thi chính sách việc làm cho lao động nông thôn trong bối cảnh di dân

- *Nguồn lực con người*: (1) nâng cao năng lực cán bộ quản lý các cấp ở nông thôn; (2) đẩy mạnh công tác đào tạo và hỗ trợ nông dân sử dụng các ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ; (3) đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ kỹ thuật tiên tiến để tăng nhanh năng suất, hiệu quả của sản xuất nông nghiệp, nâng cao thu nhập cho nông dân.

- *Nguồn lực về tài chính*: (1) tăng cường ngân sách nhà nước các cấp hàng năm ở Bắc Trung Bộ đầu tư cho lĩnh vực nông nghiệp nông thôn; (2) tăng cường nguồn lực tài chính đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế khu vực; (3) tăng cường nguồn lực tài chính đầu tư xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm để hỗ trợ doanh nghiệp, hộ

nông dân tiêu thụ nông sản; (4) tăng cường tài chính tổ chức thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội đối với nông dân.

### **4.3. Tăng cường khả năng nhận thức và tiếp cận chính sách việc làm cho lao động nông thôn trong bối cảnh di dân**

Cần đào tạo nguồn nhân lực có năng lực tiếp nhận, xử lý những kỹ năng và phong cách làm việc theo yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn. Giảm bớt khoảng cách tụt hậu về nhận thức, cơ sở vật chất và công nghệ giữa người dân các dân tộc và các vùng miền trên địa bàn các tỉnh Bắc Trung Bộ.

Giáo dục ý thức với mỗi người lao động nông thôn, giáo dục tinh thần phấn đấu vươn lên của mỗi người dân, tinh thần tự tạo việc làm nâng cao thu nhập, tăng tích lũy để đảm bảo việc làm, thu nhập và an sinh xã hội cho bản thân và gia đình nông thôn ở Bắc Trung Bộ.

Các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể tập trung chỉ đạo và tổ chức quán triệt,

tuyên truyền sâu rộng tới toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân về mục đích, ý nghĩa và tầm quan trọng của chính sách việc làm cho lao động nông thôn ở Bắc Trung Bộ./.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Hoài Nam (2015), *Chính sách việc làm cho lao động nông thôn trong bối cảnh di dân - nghiên cứu ở một số tỉnh Bắc Trung Bộ*, Luận án tiến sĩ kinh tế, Trường đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội.
2. Phan Thị Kim Oanh (2014), *Vai trò của nhà nước về an sinh xã hội đối với nông dân ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ kinh tế, Trường đại học Kinh tế quốc dân.
3. Quốc hội (2002,2012), *Luật Lao động và các nghị định hướng dẫn*.
4. Tổng cục Thống kê (2014), *Niên giám thống kê 2013*, Nxb Thống kê.
5. Tổng cục Thống kê (2011), *Tổng điều tra dân số và Nhà ở Việt Nam năm 2009 - Di cư và đô thị hóa ở Việt Nam: Thực trạng, xu hướng và những khác biệt*, Nxb Thống kê.
6. Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An (2013), *Báo cáo sơ kết 3 năm thực hiện đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn Nghệ An*.